

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03-4-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu

2. Ông Trần Tấn Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã ĐK, huyện CT, tỉnh TN (Có mặt).

Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Số 2X, hẻm X, Đường TQ, Khu phố X, Phường X, thành phố TN, tỉnh TN (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-3-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P và anh Võ Thanh T chung sống vợ chồng từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thị xã TN (nay là

thành phố TN), tỉnh TN. Quá trình chung sống thời gian khoảng 03 năm đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T không cố gắng làm ăn để chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu và có đánh, chửi mắng chị P. Chị P về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 9/2016 cho đến nay nên chị P yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoàng H, sinh ngày 14-9-2010. Hiện con đang sống cùng anh T. Chị P đồng ý tiếp tục giao con cho anh T nuôi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Võ Thanh T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-3-2019, anh Võ Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P và anh Võ Thanh T chung sống vợ chồng từ năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có phát sinh mâu thuẫn. Chị P tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống khoảng hơn 01 năm nay và nay tự nộp đơn xin ly hôn với anh T. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh T thì anh T không đồng ý ly hôn với chị P, anh T yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng do giữa anh chị chung sống không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoàng H, sinh ngày 14-9-2010. Hiện con đang sống cùng anh T. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T xin nuôi con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P đối với anh T; Về con chung: Giao con chung Võ Hoàng H cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung; Nợ chung: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Kim P có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Võ Thanh T, địa chỉ tại số 2X, hẻm X, Đường TQ, Khu phố X, Phường X, thành phố TN, tỉnh TN; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

[1.2] Anh Võ Thanh T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P, anh Võ Thanh T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh TN vào năm 2010 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T: Chị P cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do anh T không cố gắng làm ăn để chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu và có đánh, chửi mắng chị P, chị P về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 9/2016 cho đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-3-2019 (Bút lục số 17), anh T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn nhưng chị P tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống khoảng hơn 01 năm nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14-3-2019 của ông Huỳnh Ngọc Dũng - Là hàng xóm, đồng thời là tổ trưởng tổ tự quản số X, Khu phố X, Phường X, thành phố TN, tỉnh TN (Bút lục số 25) thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng anh T, chị P có cãi nhau; anh T đôi lúc uống rượu khi về nhà cũng có đánh chị P, sau đó chị P đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, không sống cùng anh T thời gian khoảng 02 năm. Do đó, có đủ cơ sở xác định quá trình chung sống vợ chồng giữa chị P và anh T có phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng anh chị đã ly thân thời gian hơn 01 năm. Nay chị P yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng nhưng anh T không có biểu hiện, động thái tích cực và cũng không đưa ra được giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhằm mục đích hàn gắn, đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P, anh T không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị P, anh T có 01 con chung tên Võ Hoàng H, sinh ngày 14-9-2010. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị P, anh T đều trình bày hiện cháu H đang sinh sống cùng với anh T và anh chị thống nhất trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì giao con chung Võ Hoàng H cho anh T tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và sự thỏa thuận này là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hiếu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị P được quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Ghi nhận chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận chị P, anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Trần Thị Kim P đối với anh Võ Thanh T. Chị Trần Thị Kim P và anh Võ Thanh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Võ Hoàng H, sinh ngày 14-9-2010 cho anh Võ Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên, tự lao động sinh sống được. Ghi nhận anh Võ Thanh T không yêu cầu chị Trần Thị Kim P cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Kim P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Trần Thị Kim P, anh Võ Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Kim P, anh Võ Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Trần Thị Kim P đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006675 ngày 07-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị P đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Phòng GDKT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Dung